

Bản án số: 78/2025/HS-PT
Ngày 28 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2), xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2025/TLPT - HS ngày 07 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Đỗ Văn Q và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn Q và Đào Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2025/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Văn Q, sinh ngày 25/6/2008; nơi cư trú: TDP L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nay là địa chỉ: TDP L, xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 và bà Hà Thị H; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2025 đến nay (có mặt);

2. Đào Văn T, sinh ngày 29/9/2007; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nay là địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Việt H1 và bà Trần Thị Thúy V; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2025 đến nay (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn Q có kháng cáo: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1977 và bà Hà Thị H, sinh năm 1978; đều trú tại: TDP L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nay là TDP L, xã T, tỉnh Phú Thọ (đều có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đào Văn T có kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1973 và ông Đào Việt H1, sinh năm 1973; đều trú tại:

Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nay là thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ (đều có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo T: Ông Lê Văn D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T3 tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Đỗ Văn Q đã rủ Đào Văn T đi cướp giật tài sản. Thực hiện ý định, khoảng 10 giờ 15 phút ngày 30/01/2025, Đỗ Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu sơn đen, BKS: 88K1-420.95 đi đến nhà Đào Văn T rủ T đi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do điều khiển xe mô tô tay ga không quen nên Đỗ Văn Q giao xe mô tô cho Đào Văn T điều khiển chở Q rồi cả hai đi trên các tuyến đường vắng người thuộc địa bàn huyện T để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Đỗ Văn Q lấy hai chiếc khẩu trang màu đen có sẵn từ trước đưa cho T một chiếc. Trên đường đi, cả hai dừng lại ở một đoạn đường vắng, Đỗ Văn Q nhặt một chiếc khẩu trang màu trắng rơi ở đường bịt kín biển kiểm soát xe mô tô lại.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, Đào Văn T điều khiển xe mô tô chở Đỗ Văn Q đi đến đường vành đai Khu Công nghiệp T thuộc địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng từ xã H đi thị trấn H thì T phát hiện ở bên đường hướng ngược chiều có một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen, BKS: 88K1-363.71 do anh Nguyễn Tuấn A điều khiển chở cháu Nguyễn Khánh L và chị Trần Thị N là vợ và con anh Tuấn A. Phát hiện chị N đeo một túi xách giả da ở vai trái nên T nói với Q “*Đây rồi, đây rồi, có làm không*” ý hỏi Q có cướp giật túi xách của chị N hay không thì Q đồng ý. Sau đó, Đào Văn T điều khiển xe mô tô quay lại, tăng ga phóng nhanh đuổi theo và đi song song bên trái xe của anh Tuấn A. Do hai xe vẫn còn cách xa nhau, Q không với tay giật được chiếc túi của chị N nên nói với T “*Áp sát vào, áp sát vào*”. Nghe vậy, Đào Văn T điều khiển xe mô tô áp sát vào bên trái xe mô tô của anh Tuấn A để Đỗ Văn Q bất ngờ dùng tay phải nắm vào quai chiếc túi xách giật mạnh làm đứt quai đeo, Đào Văn T điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn K, huyện T, anh Tuấn A điều khiển xe mô tô đuổi theo. Đào Văn T điều khiển xe mô tô bỏ chạy được một đoạn thì Đỗ Văn Q mở túi xách ra thấy bên trong có một chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu hồng, một cọc tiền mệnh giá khác nhau được bọc bằng dây nịt, 03 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng, một tờ tiền mệnh giá 50.000đồng, hai tờ tiền mệnh giá 20.000đồng và một phong bao lì xì màu đỏ. Đỗ Văn Q cầm hết số tiền đứt vào túi áo bên trái rồi ném chiếc túi xách xuống ven đường bên phải, đi được một đoạn Q tiếp tục ném chiếc điện thoại di động Iphone 13 của chị N xuống ruộng ven đường bên phải. Thấy Q ném lại tài sản nên anh Tuấn A và chị N không tiếp tục đuổi theo nữa.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của chị N, T điều khiển xe mô tô bỏ chạy về phía huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cả hai rẽ vào cửa hàng X ở tổ dân phố S, thị

trần G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để đồ xăng. Tại đây, Đỗ Văn Q lấy 200.000đồng trong số tiền vừa cướp giật được để trả tiền xăng hết 60.000đồng. Cả hai tiếp tục vào một quán nước ở ven đường nghỉ và uống nước nên Q tiếp tục lấy 200.000đồng trong số tiền vừa cướp giật được để trả tiền nước. Sau đó, cả hai đi đến một bãi đất trống ven đường. Đỗ Văn Q đem số tiền còn lại ra đếm được 6.900.000đồng, Q chia cho T 3.400.000đồng, còn Q cầm 3.500.000đồng rồi cùng nhau đi thành phố V chơi, sau đó Đỗ Văn Q đã chi tiêu hết số tiền 3.500.000đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đào Văn T và Đỗ Văn Q đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của bà Lê Thị Q1 để T mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone XR màu cam với số tiền 3.400.000đồng rồi cả hai về nhà.

Ngay sau khi tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị N1, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường theo sự chỉ dẫn của chị Trần Thị N. Hiện trường vụ Cướp giật tài sản xảy ra ngày 30/01/2025 tại đường V - T, thuộc địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại vị trí đường vành đai KCN T theo chiều đi ra tỉnh lộ 310C, cách biển cảnh báo “phía trước 100m công trường” cách mép phải đường theo chiều đi tỉnh lộ 310C là 331,4m, cách mép phải đường vành đai theo hướng đi tỉnh lộ 310C là 1,42m là khu vực chị Trần Thị N bị hai đối tượng cướp giật tài sản, vị trí này được ký hiệu số (1) trên sơ đồ hiện trường. Tại đường vành đai, cách vị trí (1) 328,6m, cách mép phải đường 0,32m theo hướng đi ra tỉnh lộ 310C là khu vực chị Trần Thị N nhặt lại được 01 túi xách giả da màu đen hình bán nguyệt do Q và T ném lại. Khu vực này được ký hiệu số (2) trên sơ đồ hiện trường. Tại ruộng lúa thuộc cánh đồng Cửa Giếng, cách vị trí (2) là 219,8m, cách mép phải đường 5,96m theo hướng đi ra tỉnh lộ 310C phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng có ốp lưng trong suốt. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường dưới sự chỉ dẫn của Đỗ Văn Q và Đào Văn T, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường theo sự chỉ dẫn của chị Đào Thị N2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG ngày 26/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại iPhone 13, 128GB, màu hồng, đã qua sử dụng có giá trị 10.000.000đồng. 01 túi xách giả da, màu đen, hình bán nguyệt, có khóa mặt ngoài hình chữ W đã qua sử dụng có giá trị 100.000đồng. 01 ốp điện thoại di động, không màu, đã qua sử dụng có giá trị 5.000đồng. Tổng giá trị của tài sản: 10.105.000đồng (Mười triệu một trăm linh năm nghìn đồng).

Ngày 20/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định số 191 trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh V giám định kỹ thuật số điện tử đối với 02 đoạn video thu tại Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện T và 01 đoạn video thu tại cửa hàng X số A, ở tổ dân phố S, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại bản kết luận giám định số 626 ngày 06/3/2025 của Phòng K - Công an tỉnh V kết luận: Trích xuất được 06 ảnh diễn biến theo yêu cầu giám định trong ba tệp video gửi giám định; chi tiết được thể hiện trong Phụ lục giám định. Sao lưu 03 tệp video gửi giám định vào 02 đĩa DVD. Cụ thể: Ảnh 1-2: Xuất hiện người A (mặc quần áo dài tối màu, đeo khẩu trang, không đội mũ) điều khiển xe hai bánh chở theo người B (mặc quần áo dài tối màu, đội mũ trùm

đầu) đi vào cửa hàng xăng dầu; sau đó đi khuất khỏi tầm quan sát của camera. Ảnh 3-4: Xuất hiện người C (mặc quần áo dài tối màu, đeo khẩu trang, đội mũ trùm đầu) điều khiển xe hai bánh chở theo người D (mặc quần áo dài tối màu, đội mũ trùm đầu) đi qua vị trí đường giao cắt; sau đó đi khuất khỏi tầm quan sát của camera. Ảnh 5-6: Xuất hiện hai người A (mặc quần áo tối màu) điều khiển xe hai bánh chở nhau đi qua tầm quan sát của camera.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho chị N2 số tiền 9.000.000đồng. Chị Trần Thị N đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2025/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 31/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn T 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 31/01/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/6/2025, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Q và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin cho bị cáo Q, T được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 17/6/2025, bị cáo Đỗ Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T công nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng tội danh, các bị cáo không bị oan. Bị cáo Q, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi nghe tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đã phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q; đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Q và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 06/6/2025 về phần hình phạt đối với bị cáo Q, T.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T trình bày bản bào chữa: Khẳng định cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T không có ý kiến gì, không bào chữa gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Q và Đào Văn T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Đỗ Văn Q đã rủ Đào Văn T cùng đi cướp giật tài sản. Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 30/01/2025, Đỗ Văn Q điều khiển xe mô tô Honda, loại AirBlade màu đen, BKS: 88K1-420.95 đến nhà Đào Văn T rủ T đi cướp giật tài sản. Sau đó, Q giao xe cho T để T điều khiển chở Q đi trên các tuyến đường vắng người thuộc địa bàn huyện T để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đi đến đường vành đai Khu Công nghiệp T thuộc địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng từ xã H đi thị trấn H, T điều khiển xe mô tô đuổi theo và áp sát bên trái xe mô tô do anh Nguyễn Tuấn A đang điều khiển, phía sau chở cháu Nguyễn Khánh L và chị Trần Thị N là vợ và con anh Tuấn A để Đỗ Văn Q dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách của chị N bên trong có 7.160.000đồng tiền mặt, một chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu hồng trị giá 10.000.000đồng kèm theo 01 ốp điện thoại trị giá 5.000đồng, chiếc túi xách trị giá 100.000đồng. Tổng trị giá tài sản Q và T chiếm đoạt của chị N là 17.265.000đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác

được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử lý nghiêm minh nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh tại địa phương và làm gương cho người khác.

[5]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Văn Q và kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q, bị cáo T, xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Q, T được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Q, T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại và đều được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo Q 02 năm tù, bị cáo T 01 năm 10 tháng tù là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo Q xuất trình tài liệu chứng cứ mới ông Hà Tiến T2 (ông ngoại bị cáo) là thương binh, có xác nhận của chính quyền địa phương; gia đình bị cáo T xuất trình tài liệu mới ông nội, bà nội là ông Đào Trương O, bà Trương Thị L1 được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là thiếu sót, cấp phúc thẩm sẽ áp dụng cho các bị cáo. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm bị cáo Q, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo là những người đều nhận thức được việc điều khiển xe máy để cướp giật tài sản của bị hại, trong lúc bị hại đang tham gia giao thông bằng xe máy là rất nguy hiểm, có thể dẫn đến tai nạn giao thông, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cho bị hại nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã là có phần nương nhẹ cho các bị cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Q cũng như người đại diện hợp pháp của bị cáo Q, T.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q, T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[6]. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Q và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Q và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ).

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Q, Đào Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 31/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn T 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 31/01/2025.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đỗ Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Văn T là bà Trần Thị Thúy V và ông Đào Việt H1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 9 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 9 - Phú Thọ;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa